

Số: /QĐ-SYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách năm 2025 của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế Hà Nội (lần 18)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4764/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của UBND Thành phố về việc bổ sung kinh phí thanh quyết toán dự án hoàn thành và kinh phí chuẩn bị đầu tư cho các dự án sử dụng vốn sự nghiệp (đợt 1) năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 của UBND Thành phố về việc giao phụ trách, điều hành Sở Y tế thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1889/QĐ-SYT ngày 25/9/2025 của Sở Y tế về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2025 (lần 18);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách năm 2025 của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế Hà Nội được UBND Thành phố giao Sở Y tế tại Quyết định số 4764/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 và Sở Y tế giao cho các đơn vị

trực thuộc tại Quyết định số 1889/QĐ-SYT ngày 25/9/2025 (*chi tiết theo biểu đính kèm*).

Điều 2. Giao Văn phòng Sở Y tế lập chuyên mục và đăng Công khai dự toán ngân sách trên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính (để p/hợp thực hiện);
- Các Đ/c PGĐ Sở;
- Văn phòng Sở Y tế (để công khai trên website);
- Lưu: VT, KHTC_(TIỀN).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đình Hưng

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
Chương: 423

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (LẦN 18)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2025 của Sở Y tế Hà Nội)

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao tại QĐ số 4764/QĐ-UBND (*)	Tổng số đã phân bổ cho các đơn vị	Chi tiết theo đơn vị sử dụng					
				Văn phòng Sở	Chi cục Dân số, Trẻ em và Phòng chống tệ nạn xã hội	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Bệnh viện đa khoa Vân Đình	Bệnh viện đa khoa Đan Phượng
A	B	C	D=1+...+30	I	2	3	4	5	6
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	25.529.022	9.482.517	51.642	140.913	71.515	17.246	30.160	35.216
1	Chi quản lý hành chính	192.555	192.555	51.642	140.913	-	-	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	192.555	192.555	51.642	140.913	-	-	-	-
*	Chi sửa chữa các CT	192.555	192.555	51.642	140.913				
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	786.957	786.957	-	-	71.515	17.246	30.160	35.216
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	786.957	786.957	-	-	71.515	17.246	30.160	35.216
*	Chi sửa chữa các CT	786.957	786.957			71.515	17.246	30.160	35.216
3	Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội	24.549.510	8.503.005	-	-	-	-	-	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	24.549.510	8.503.005	-	-	-	-	-	-
*	Chi sửa chữa các CT	24.549.510	8.503.005						
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách			1059388	1088827	1059380	1094676	1094678	1094683
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch			0011	0011	0011	0026	0028	0035

Ghi chú:

(*) Kinh phí chưa giao các đơn vị là kinh phí của các dự án của các cơ sở cai nghiện ma túy cũ. Sở Y tế sẽ đề xuất điều chỉnh chuyển sang Công an Thành phố trong điều hòa, điều chỉnh dự toán 2025

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
		Bệnh viện đa khoa Thạch Thất	Bệnh viện đa khoa Quốc Oai	Bệnh viện đa khoa Phúc Thọ	Bệnh viện đa khoa Mỹ Đức	Bệnh viện đa khoa Phú Xuyên	Bệnh viện đa khoa Thanh Oai	Bệnh viện Thận Hà Nội	Bệnh viện YHCT Hà Đông	Bệnh viện đa khoa Hoà Nhai
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15</i>
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	33.790	48.095	51.779	55.876	45.951	50.205	33.771	20.815	33.567
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<i>a</i>	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>									
<i>b</i>	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi sửa chữa các CT									
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	33.790	48.095	51.779	55.876	45.951	50.205	33.771	20.815	33.567
<i>a</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>									
<i>b</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	33.790	48.095	51.779	55.876	45.951	50.205	33.771	20.815	33.567
*	Chi sửa chữa các CT	33.790	48.095	51.779	55.876	45.951	50.205	33.771	20.815	33.567
3	Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<i>a</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>									
<i>b</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi sửa chữa các CT									
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	1094684	1094685	1094686	1094688	1094691	1094695	1059389	1094679	1088820
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	0038	0038	0038	0028	0027	0039	0011	0026	0012

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng							
		Bệnh viện Ung bướu Hà Nội	Bệnh viện Phổi Hà Nội	Bệnh viện Da liễu Hà Nội	Bệnh viện Tâm thần Hà Nội	Bệnh viện tâm thần Mỹ Đức	Bệnh viện phục hồi chức năng	Trung tâm Bảo trợ xã hội 1 Hà Nội	Trung tâm Bảo trợ xã hội 2 Hà Nội
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>16</i>	<i>17</i>	<i>18</i>	<i>19</i>	<i>20</i>	<i>21</i>	<i>22</i>	<i>23</i>
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	53.510	53.409	36.157	61.381	9.384	45.130	815.171	1.353.944
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-		
<i>a</i>	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>								
<i>b</i>	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi sửa chữa các CT								
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	53.510	53.409	36.157	61.381	9.384	45.130	-	-
<i>a</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>								
<i>b</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	<i>53.510</i>	<i>53.409</i>	<i>36.157</i>	<i>61.381</i>	<i>9.384</i>	<i>45.130</i>	-	-
*	Chi sửa chữa các CT	53.510	53.409	36.157	61.381	9.384	45.130		
3	Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội	-	-	-	-	-	-	815.171	1.353.944
<i>a</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>								
<i>b</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	-	-	-	-	-	-	<i>815.171</i>	<i>1.353.944</i>
*	Chi sửa chữa các CT							815.171	1.353.944
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	1059192	1059052	1059048	1059381	1094680	1059053	1093375	1059058
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	0014	0014	0011	0016	0028	0022	0011	0028

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng						
		Trung tâm Bảo trợ xã hội 3 Hà Nội	Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng Người tâm thần số 1 Hà Nội	Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng Người tâm thần số 2 Hà Nội	Trung tâm Phục hồi chức năng Việt - Hàn	Trung tâm Chăm sóc Người khuyết tật Hà Nội	Trung tâm Công tác Xã hội và Quỹ Bảo trợ Trẻ em Hà Nội	Làng trẻ em Birla Hà Nội
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>24</i>	<i>25</i>	<i>26</i>	<i>27</i>	<i>28</i>	<i>29</i>	<i>30</i>
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	178.300	1.795.294	1.781.425	357.930	1.378.356	818.633	23.952
1	Chi quản lý hành chính	-					-	-
<i>a</i>	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>							
<i>b</i>	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi sửa chữa các CT							
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-	-	-	-
<i>a</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>							
<i>b</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi sửa chữa các CT							
3	Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội	178.300	1.795.294	1.781.425	357.930	1.378.356	818.633	23.952
<i>a</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>							
<i>b</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	<i>178.300</i>	<i>1.795.294</i>	<i>1.781.425</i>	<i>357.930</i>	<i>1.378.356</i>	<i>818.633</i>	<i>23.952</i>
*	Chi sửa chữa các CT	178.300	1.795.294	1.781.425	357.930	1.378.356	818.633	23.952
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	1059050	1093370	1100897	1090514	1093373	1120109	1059244
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	0017	0011	0011	0038	0011	0026	0023